

# **Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 31

\*\*\*\*\*

01/01/2017

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 127/QĐ/UBND ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3400176331, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 08 tháng 4 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 08 tháng 4 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 02 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 09 tháng 9 năm 2014
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 22 tháng 6 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 09 tháng 6 năm 2017
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 04 tháng 12 năm 2018
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 27 tháng 10 năm 2020

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh vé số kiến thiết.

### TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 343 đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại : 02523 822 568 - 3828993

Fax : 02523 821 968 - 3828 776

Mã số thuế : **3 4 0 0 1 7 6 3 3 1**

Ngoài ra, Công ty có 02 văn phòng đại diện hoạt động tại địa chỉ sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng đại diện Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận	45 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận tại thành phố Cần Thơ	88B1, Ung Văn Khiêm, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

### CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Hoài Nhân	Chủ tịch Công ty	bổ nhiệm từ ngày 27 tháng 11 năm 2018
Ông Phạm Năng Hiệp	Giám đốc	
Ông Trần Văn Ly	Phó Giám đốc	
Ông Huỳnh Cao Cảnh	Phó Giám đốc	

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trần Hoàn Vũ	Trưởng ban kiểm soát Công ty được bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Trần Hoàn Vũ	Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty đến ngày 27 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Trọng Khang	Kiểm soát viên chuyên trách Công ty đến ngày 30 tháng 11 năm 2021

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đặng Hoài Nhân - Chủ tịch Công ty.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



**Đặng Hoài Nhân**

Chủ tịch Công ty

Bình Thuận, ngày 28 tháng 01 năm 2022



www.kiemtoan.net.vn

# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD

Trụ Sở Chính : 64/4 Đường DHT 21, Phường Đồng Hưng Thuận, Quận 12, TP. HCM.

Chi Nhánh Nha Trang : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diễm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.

Chi Nhánh Vũng Tàu : 169 Trương Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chi Nhánh Miền Trung : 01 Trần Phú, P. Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.

Chi Nhánh Hà Nội : Phòng 2M05, Tầng 2A, Tòa nhà Cowa Tower, số 199 Hồ Tùng Mậu

Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tel : (026) 3636 4038

Tel : (0258) 3895 777

Tel : (0254) 2210 287

Tel : (0235) 2226 889

Tel : (024) 7300 7886

Fax : (028) 3719 3949

Fax : (0258) 3893 377

Fax : (0254) 6253 070

Fax : (0235) 3837 878

Số: 039/2021/BCTC-FAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Lãnh đạo**

**Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 01 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

---

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 17 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Vào ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty tạm tính quỹ tiền lương cho viên chức quản lý và người lao động. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo kết quả phê duyệt quỹ tiền lương năm 2021 từ các cơ quan có thẩm quyền. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Trọng Huy - Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

*kiểm toán số 3563-2021-099-1*

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 09 tháng 3 năm 2022

**Trần Tiến Đạt - Kiểm toán viên**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

*kiểm toán số 3550-2021-099-1*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>476.021.250.514</b>	<b>874.234.655.196</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>194.474.335.795</b>	<b>335.678.436.621</b>
1 Tiền	111		134.474.335.795	235.678.436.621
2 Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	100.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>160.000.000.000</b>	<b>340.000.000.000</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	160.000.000.000	340.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>117.510.381.638</b>	<b>195.076.472.209</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	116.059.241.802	189.881.027.711
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	280.200.000	707.472.727
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.583.312.583	5.413.968.746
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(412.372.747)	(925.996.975)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.880.186.827</b>	<b>3.288.474.771</b>
1 Hàng tồn kho	141	10	3.880.186.827	3.288.474.771
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>156.346.254</b>	<b>191.271.595</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	156.346.254	191.271.595
2 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>122.318.806.222</b>	<b>124.308.081.370</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>112.489.672.816</b>	<b>118.483.563.248</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	108.292.172.816	114.286.063.248
- Nguyên giá	222		129.187.898.716	129.013.026.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.895.725.900)	(14.726.963.410)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	4.197.500.000	4.197.500.000
- Nguyên giá	228		4.832.747.818	4.832.747.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(635.247.818)	(635.247.818)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.827.923.665</b>	<b>4.260.776.989</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	8.827.923.665	4.260.776.989
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.001.209.741</b>	<b>1.563.741.133</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.001.209.741	1.563.741.133
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>598.340.056.736</b>	<b>998.542.736.566</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>253.771.041.144</b>	<b>653.973.720.974</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>253.771.041.144</b>	<b>653.973.720.974</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	210.651.718	253.553.754
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	145.281.860.320	517.601.989.945
3 Phải trả người lao động	314	17	10.914.857.942	7.990.807.608
4 Phải trả ngắn hạn khác	319	18	684.051.224	1.127.798.110
5 Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	19	88.000.000.000	119.933.253.600
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	20	8.679.619.940	7.066.317.957
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>344.569.015.592</b>	<b>344.569.015.592</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>344.569.015.592</b>	<b>344.569.015.592</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		344.569.015.592	344.569.015.592
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>598.340.056.736</b>	<b>998.542.736.566</b>

Trần Thị Bảo Đoàn  
 Người lập biểu

Vũ Thanh Tùng  
 Kế toán trưởng



Đặng Hoài Nhân  
 Chủ tịch Công ty

Bình Thuận, ngày 28 tháng 01 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>2.710.687.027.259</b>	<b>3.686.210.990.931</b>
1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số:	01.1	22.1	2.710.687.027.259	3.686.210.990.931
1.1.1 Xổ số truyền thống	01.1.1		2.688.073.609.077	3.634.341.018.179
1.1.2 Xổ số lô tô	01.1.4		22.613.418.182	51.869.972.752
1.2 Doanh thu kinh doanh khác	01.2		-	-
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>353.567.873.141</b>	<b>480.810.129.260</b>
2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số:	02.1	22.1	353.567.873.141	480.810.129.260
2.1.1 Xổ số truyền thống	02.1.1		350.618.296.848	474.044.480.669
2.1.2 Xổ số lô tô	02.1.4		2.949.576.293	6.765.648.591
2.2 Giảm trừ doanh thu khác	02.2		-	-
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	22.1	<b>2.357.119.154.118</b>	<b>3.205.400.861.671</b>
3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		2.357.119.154.118	3.205.400.861.671
3.1.1 Xổ số truyền thống	10.1.1		2.337.455.312.229	3.160.296.537.510
3.1.2 Xổ số lô tô	10.1.4		19.663.841.889	45.104.324.161
3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		-	-
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>11</b>	23	<b>1.992.158.365.788</b>	<b>2.593.411.564.522</b>
4.1 Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		1.992.158.365.788	2.593.411.564.522
4.1.1 Chi phí trả thưởng	11.1.1		1.494.245.534.000	1.907.671.700.000
4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		497.912.831.788	685.739.864.522
4.2 Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>364.960.788.330</b>	<b>611.989.297.149</b>
5.1 Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		364.960.788.330	611.989.297.149
5.2 Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.2	11.529.384.476	18.660.894.927
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	89.470.181.396	131.978.847.696
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>287.019.991.410</b>	<b>498.671.344.380</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
11. Thu nhập khác	31		12.462.524.865	1.623.325.693
12. Chi phí khác	32		286.707.132	362.663.369
13. Lợi nhuận khác	40	25	12.175.817.733	1.260.662.324
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		299.195.809.143	499.932.006.704
15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	60.069.132.733	100.016.999.541
16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		239.126.676.410	399.915.007.163



Trần Thị Bảo Đoàn  
Người lập biểu



Vũ Thanh Tùng  
Kế toán trưởng



Đặng Hoài Nhân  
Chủ tịch Công ty

Bình Thuận, ngày 28 tháng 01 năm 2022

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.074.224.370.135	1.906.577.414.443
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(971.426.985.856)	(435.439.294.526)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.809.544.885)	(33.995.306.745)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(68.447.818.761)	(92.974.552.016)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53.265.343.043	139.203.565.484
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(838.358.299.365)	(1.088.752.938.388)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>215.447.064.311</b>	<b>394.618.888.252</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.398.063.193)	(44.834.282.895)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	744.545.455
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(190.000.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		210.000.000.000	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.360.178.997	19.638.237.387
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>190.962.115.804</b>	<b>(214.451.500.053)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5 Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16	(547.613.280.941)	(267.922.826.913)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(547.613.280.941)</b>	<b>(267.922.826.913)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(141.204.100.826)</b>	<b>(87.755.438.714)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>335.678.436.621</b>	<b>423.433.875.335</b>
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>194.474.335.795</b>	<b>335.678.436.621</b>

**Trần Thị Bảo Đoan**  
Người lập biểu

**Vũ Thanh Tùng**  
Kế toán trưởng



**Đặng Hoài Nhân**  
Chủ tịch Công ty

Bình Thuận, ngày 28 tháng 01 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 127/QĐ/UBND ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3400176331, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 08 tháng 4 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 08 tháng 4 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 02 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 09 tháng 9 năm 2014
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 22 tháng 6 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 09 tháng 6 năm 2017
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 04 tháng 12 năm 2018
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 27 tháng 10 năm 2020

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh vé số kiến thiết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 343 đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ngoài ra, Công ty có 02 văn phòng đại diện hoạt động tại địa chỉ sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng đại diện Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận	45 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận tại thành phố Cần Thơ	88B1, Ung Văn Khiêm, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 109 người  
(ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 114 người)

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết ban hành kèm theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 3.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Vé xổ số theo giá thực tế được xác định theo từng nguồn nhập của vé xổ số mua ngoài, bao gồm: Giá mua ghi trên hóa đơn cộng (+), chi phí vận chuyển, bốc xếp.

#### *Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 3.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

### 3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



### 3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

#### Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

#### Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

### 3.7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 28 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	04 năm
Phần mềm máy tính	05 năm

### 3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### 3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

### 3.10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.11. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

### 3.12. Dự phòng rủi ro trả thường

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thường chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thường cố định theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm trích lập, Công ty xổ số kiến thiết không bị lỗ.

Theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về Quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thường là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thường thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Chính Phủ. Tỷ lệ trả thường trong kỳ được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ trả thường} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thường thực tế đã thanh toán trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\%$$

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thường được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức:

$$DPtt = DT \times TLkh - TTtt$$

Trong đó:

<b>DPtt</b>	:	Mức trích lập dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số.
<b>DT</b>	:	Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập
<b>TLkh</b>	:	Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định của từng loại hình xổ số.
<b>TTtt</b>	:	Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Tỷ lệ tối đa trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được thực hiện như sau:

- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập;
- Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau;
- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Theo Thông tư 75/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống xây dựng cho mỗi đợt phát hành tối đa là 50% trên tổng giá trị vé xổ số phát hành.

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

### 3.13. Phân chia lợi nhuận

Căn cứ theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về Quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số (sau đây gọi tắt là “Nghị định số 122/2017/NĐ-CP”). Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được phân phối như sau:

- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi và Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên;
- Phần lợi nhuận còn lại do chủ sở hữu quyết định.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

### 3.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu hoạt động xổ số*

Doanh thu hoạt động xổ số được ghi nhận khi Biên bản phát hành và thu hủy vé số được lập của Hội đồng Giám sát Xổ số Kiến thiết. Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với Doanh thu. Riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh cùng kỳ tiêu thụ vé số được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

### 3.16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 3.17. Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	932.711.000	949.667.000
Tiền gửi ngân hàng	133.541.624.795	234.728.769.621
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>60.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>194.474.335.795</u></b>	<b><u>335.678.436.621</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng và hưởng lãi suất bình quân khoảng 3,2% một năm tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tắt toán tại ngày đáo hạn.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (06) tháng và hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 3,7% đến 5,7% một năm tại các ngân hàng thương mại như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Bình Thuận	80.000.000.000	260.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Bình Thuận	60.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	-	30.000.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Thuận	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>160.000.000.000</u></b>	<b><u>340.000.000.000</u></b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đại lý vé tại khu vực Phan Thiết	7.567.002.125	12.604.802.650
Đại lý vé tại khu vực miền Nam	<u>108.492.239.677</u>	<u>177.276.225.061</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>116.059.241.802</u></b>	<b><u>189.881.027.711</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(412.372.747)	(925.996.975)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quảng cáo, Thương mại và Xây dựng Thành Danh	-	427.272.727
Công ty TNHH Kiểm toán FAC	280.200.000	280.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>280.200.000</b>	<b>707.472.727</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	20.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.357.150.684	5.187.945.205
Phải thu khác	206.161.899	226.023.541
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.583.312.583</b>	<b>5.413.968.746</b>

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ (*)				
Phải thu khách hàng đại lý vé	412.372.747	-	925.996.975	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>412.372.747</b>	<b>-</b>	<b>925.996.975</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 6.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(925.996.975)	(942.411.838)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	7.800.000	16.414.863
Xử lý nợ phải thu khó đòi	505.824.228	-
Số cuối năm	<b>(412.372.747)</b>	<b>(925.996.975)</b>

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	224.604.228	-	247.999.771	-
Hàng gửi đi bán	784.206.409	-	731.648.050	-
Vé xổ số truyền thống	2.790.845.640	-	2.178.217.800	-
Vé xổ số lô tô	80.530.550	-	130.609.150	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.880.186.827</b>	<b>-</b>	<b>3.288.474.771</b>	<b>-</b>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	110.500.125.686	10.441.104.244	7.048.085.423	591.527.669	432.183.636	129.013.026.658
Mua sắm mới	-	181.272.727	-	30.200.000	-	211.472.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(36.600.669)	-	(36.600.669)
Số cuối năm	<u>110.500.125.686</u>	<u>10.622.376.971</u>	<u>7.048.085.423</u>	<u>585.127.000</u>	<u>432.183.636</u>	<u>129.187.898.716</u>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	694.183.912	5.292.022.426	3.463.519.062	285.112.669	-	9.734.838.069
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số đầu năm	5.060.646.626	5.294.790.750	4.045.145.420	297.626.853	28.753.761	14.726.963.410
Khấu hao trong năm	4.544.704.620	1.062.618.091	448.203.528	61.640.196	88.196.724	6.205.363.159
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(36.600.669)	-	(36.600.669)
Số cuối năm	<u>9.605.351.246</u>	<u>6.357.408.841</u>	<u>4.493.348.948</u>	<u>322.666.380</u>	<u>116.950.485</u>	<u>20.895.725.900</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	<u>105.439.479.060</u>	<u>5.146.313.494</u>	<u>3.002.940.003</u>	<u>293.900.816</u>	<u>403.429.875</u>	<u>114.286.063.248</u>
Số cuối năm	<u>100.894.774.440</u>	<u>4.264.968.130</u>	<u>2.554.736.475</u>	<u>262.460.620</u>	<u>315.233.151</u>	<u>108.292.172.816</u>



Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 105.058.652.469 VND được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình trụ sở làm việc tại số 343 đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt đối với các chênh lệch phát sinh (nếu có).

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	4.197.500.000	548.800.000	86.447.818	4.832.747.818
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>4.197.500.000</u>	<u>548.800.000</u>	<u>86.447.818</u>	<u>4.832.747.818</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	548.800.000	86.447.818	635.247.818
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	-	548.800.000	86.447.818	635.247.818
Hao mòn trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>548.800.000</u>	<u>86.447.818</u>	<u>635.247.818</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>4.197.500.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.197.500.000</u>
Số cuối năm	<u>4.197.500.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.197.500.000</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng trụ sở làm việc	<u>8.827.923.665</u>	<u>4.260.776.989</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>8.827.923.665</b></u>	<u><b>4.260.776.989</b></u>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.350.748	65.466.658
Chi phí phải trả khác	119.995.506	125.804.937
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>156.346.254</b>	<b>191.271.595</b>
		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	991.683.610	1.544.164.841
Chi phí trả trước khác	9.526.131	19.576.292
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.001.209.741</b>	<b>1.563.741.133</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Xây lắp Phạm Đình	44.873.154	44.873.154
Công ty TNHH Kỹ thuật Minh Phú	89.222.964	132.125.000
Công ty TNHH CP Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Việt Thương	74.535.600	74.535.600
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Kiến trúc xanh	2.020.000	2.020.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>210.651.718</b>	<b>253.553.754</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	39.933.445.975	265.612.456.229	(282.929.166.047)	22.616.736.157
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	53.580.594.077	353.567.873.141	(376.408.984.986)	30.739.482.232
Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	18.557.471.167	60.069.132.733	(68.447.818.761)	10.178.785.139
Phải nộp lợi nhuận còn lại sau thuế TNDN và trích lập các quỹ	391.013.280.941	229.479.514.263	(547.613.280.941)	72.879.514.263
Thuế Thu nhập cá nhân	14.517.197.785	106.537.479.986	(112.187.335.242)	8.867.342.529
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	231.862.052	(231.862.052)	-
Các loại thuế khác	-	49.142.748	(49.142.748)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>517.601.989.945</u>	<u>1.015.547.461.152</u>	<u>(1.387.867.590.777)</u>	<u>145.281.860.320</u>

	VND			
	Số đầu năm	Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	-	6.361.592.061	(6.361.592.061)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>-</u>	<u>6.361.592.061</u>	<u>(6.361.592.061)</u>	<u>-</u>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Người lao động	10.335.269.474	7.191.844.896
Phải trả Người Quản lý	579.588.468	798.962.712
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>10.914.857.942</u>	<u>7.990.807.608</u>

Khoản mục này thể hiện quỹ lương tạm trích phải trả cho người lao động theo quy định của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và có thể sẽ được điều chỉnh tùy theo kết quả phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy quyền trả thưởng đại lý	412.140.212	906.946.689
Thù lao Ban Kiểm soát	119.674.071	183.761.421
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ in Quảng cáo Minh Trí	111.721.600	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.515.341	37.090.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>684.051.224</b>	<b>1.127.798.110</b>

**19. DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	119.933.253.600	88.905.200.140
Trích lập (hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh số 23)	(11.281.738.600)	31.028.053.460
Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng	(20.651.515.000)	-
Số cuối năm	88.000.000.000	119.933.253.600

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI**

	VND				
	Số đầu năm	Trích lập trong kỳ	Sử dụng trong kỳ	Tăng (giảm) khác	Số cuối năm
Quỹ Khen thưởng	3.920.567.798	4.604.147.471	(3.852.200.000)	10.430.000	4.682.945.269
Quỹ Phúc lợi	2.541.272.184	4.604.147.471	(3.756.072.486)	2.800.000	3.392.147.169
Quỹ Phúc lợi đã hình thành tài sản	78.828.489	-	-	(8.799.996)	70.028.493
Quỹ khen thưởng Người quản lý, Ban kiểm soát	525.649.486	438.867.205	(430.017.682)	-	534.499.009
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.066.317.957</b>	<b>9.647.162.147</b>	<b>(8.038.290.168)</b>	<b>4.430.004</b>	<b>8.679.619.940</b>

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 21.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	344.569.015.592	-	344.569.015.592
Lợi nhuận thuần trong năm	-	399.915.007.163	399.915.007.163
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	(8.901.726.222)	(8.901.726.222)
Nộp lợi nhuận về ngân sách	-	(391.013.280.941)	(391.013.280.941)
Số cuối năm	<u>344.569.015.592</u>	<u>-</u>	<u>344.569.015.592</u>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	344.569.015.592	-	344.569.015.592
Lợi nhuận thuần trong năm	-	239.126.676.410	239.126.676.410
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	(9.647.162.147)	(9.647.162.147)
Nộp lợi nhuận về ngân sách	-	(229.479.514.263)	(229.479.514.263)
Số cuối năm	<u>344.569.015.592</u>	<u>-</u>	<u>344.569.015.592</u>

### 21.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chủ sở hữu đã góp đủ vốn điều lệ theo Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt vốn điều lệ cho Công ty.

### 21.3. Phân phối lợi nhuận

Công ty tạm phân phối lợi nhuận dựa trên xếp loại doanh nghiệp loại A. Khi có phê duyệt chính thức, thì sẽ điều chỉnh việc phân phối lợi nhuận theo xếp loại doanh nghiệp được phê duyệt của chủ sở hữu.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trong năm	239.126.676.410	399.915.007.163
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.208.294.942)	(8.422.438.798)
Trích quỹ thưởng Người quản lý, Ban kiểm soát	<u>(438.867.205)</u>	<u>(479.287.424)</u>
Lợi nhuận còn lại nộp về ngân sách nhà nước	<u>229.479.514.263</u>	<u>391.013.280.941</u>

## 22. DOANH THU

### 22.1. Doanh thu kinh doanh xổ số

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.710.687.027.259</b>	<b>3.686.210.990.931</b>
Trong đó		
<i>Doanh thu xổ số truyền thống</i>	2.688.073.609.077	3.634.341.018.179
<i>Doanh thu xổ số lô tô</i>	22.613.418.182	51.869.972.752
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(353.567.873.141)</b>	<b>(480.810.129.260)</b>
<i>Thuế tiêu thụ đặt biệt kinh doanh xổ số truyền thống</i>	(350.618.296.848)	(474.044.480.669)
<i>Thuế tiêu thụ đặt biệt kinh doanh xổ số lô tô</i>	(2.949.576.293)	(6.765.648.591)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>2.357.119.154.118</u></b>	<b><u>3.205.400.861.671</u></b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu thuần xổ số truyền thống</i>	2.337.455.312.229	3.160.296.537.510
<i>Doanh thu thuần xổ số lô tô</i>	19.663.841.889	45.104.324.161

### 22.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.529.384.476	18.660.894.927
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.529.384.476</u></b>	<b><u>18.660.894.927</u></b>

## 23. CHI PHÍ KINH DOANH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả thưởng	1.494.245.534.000	1.907.671.700.000
<i>Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống</i>	1.478.440.485.000	1.866.459.800.000
<i>Chi phí trả thưởng xổ số lô tô</i>	15.805.049.000	41.211.900.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	497.912.831.788	685.739.864.522
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.992.158.365.788</u></b>	<b><u>2.593.411.564.522</u></b>

(\*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng cho đại lý và Ủy quyền trả thưởng	450.003.135.478	611.380.446.250
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	1.658.190.000	1.802.680.000
Chi phí chống số đề	72.000.000	76.125.000
Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng (Thuyết minh số 19)	-	31.028.053.460
Chi phí về vé xổ số	43.595.992.401	39.101.444.000
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	2.159.814.091	1.971.881.812
Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực	60.000.000	60.000.000
Chi phí trực tiếp phát hành khác	363.699.818	319.234.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>497.912.831.788</b>	<b>685.739.864.522</b>

#### 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	42.648.266.886	39.876.172.804
Chi phí vật liệu quản lý	1.756.609.011	994.244.637
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	6.196.563.163	2.256.460.638
Thuế, phí và lệ phí	636.693.391	546.035.378
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng (Thuyết minh số 9)	(7.800.000)	(16.414.863)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.374.969.722	1.199.644.600
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	36.864.879.223	87.122.704.502
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>89.470.181.396</b>	<b>131.978.847.696</b>

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ bán giấy vụn, công cụ dụng cụ	862.255.455	512.683.954
Thu từ tin nhắn kết quả xổ số	60.909.091	174.545.454
Lãi do thanh lý tài sản	-	744.545.455
Hoàn nhập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng (Thuyết minh số 9)	11.281.738.600	-
Các khoản khác	257.621.719	191.550.830
	<b>12.462.524.865</b>	<b>1.623.325.693</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí từ bán giấy vụn	(38.243.200)	(33.870.000)
Lỗ do thanh lý tài sản	-	(142.838.819)
Các khoản khác	(248.463.932)	(185.954.550)
	<b>(286.707.132)</b>	<b>(362.663.369)</b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>12.175.817.733</b>	<b>1.260.662.324</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	60.068.579.068	100.016.999.541
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	553.665	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.069.132.733</b>	<b>100.016.999.541</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>299.195.809.143</b>	<b>499.932.006.704</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	59.839.161.829	99.986.401.341
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)		
Chi phí không được trừ	229.417.239	30.598.200
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>60.068.579.068</b>	<b>100.016.999.541</b>



**26.2. Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ dụng cụ lâu bền đang sử dụng	2.359.630.762	2.359.630.762
<b>Tài sản giấy tờ có giá trị nhận thế chấp</b>		
Chứng nhận Quyền sử dụng đất của các đại lý	153.460.803.000	146.548.073.000
Sổ tiết kiệm nhận thế chấp của các đại lý	139.194.569.378	156.699.942.072
Chứng thư bảo lãnh	8.839.000.000	5.839.000.000
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>		VND
	<i>Nguyên nhân</i>	<i>Số cuối năm</i>
Khoản phải thu đại lý vé số	<i>Không có khả năng chi trả</i>	2.602.698.591
		2.096.874.363

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên của Người quản lý và Ban kiểm soát của Công ty

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương và thưởng Người quản lý	3.466.673.700	3.582.573.726
Tiền lương, thưởng và thù lao Ban kiểm soát	757.743.219	824.300.386
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.224.416.919</b>	<b>4.406.874.112</b>

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



**Trần Thị Bảo Đoàn**  
Người lập biểu



**Vũ Thanh Tùng**  
Kế toán trưởng




**Đặng Hoài Nhân**  
Chủ tịch Công ty

Bình Thuận, ngày 28 tháng 01 năm 2022